

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2976/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/8/2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Lượng
- Ông Chu Mạnh Tường

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mến, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 673/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/3/2022, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4376/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/7/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 4935/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1991

HKTT: Thôn 1, xã Q, huyện Q1, tỉnh Quảng Bình.

Địa chỉ: số nhà 48 Đường X, Khu phố Y, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Ông Lê Thanh D, sinh năm: 1993

HKTT: xã S, huyện S1, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: số nhà 271/2A đường N, Khu phố O, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2022 và lời trình bày của bà Nguyễn Thị H:

Bà và ông Lê Thanh D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện S1, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 19/6/2018. Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc do ông D sống thiếu trách nhiệm, không chăm lo làm ăn, thường xuyên bài bạc gây nợ nần làm ảnh hưởng đến uy tín và cuộc sống

của gia đình. Bà đã nhiều lần đứng ra dàn xếp giúp ông D giải quyết các khoản nợ, tuy nhiên ông D không từ bỏ tật xấu nên bà thường xuyên bị áp lực tinh thần do các chủ nợ của ông D đến nhà đe dọa, do đó vợ chồng xảy ra xung đột, thiếu sự tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau. Tháng 5/2019 do mâu thuẫn căng thẳng nên ông D tách ra sống riêng trong khi bà đang mang thai. Quá trình bà sinh con và nuôi con nhỏ, ông D không đến thăm và cũng không chia sẻ trách nhiệm nuôi con với bà. Đến nay bà xác định không thể hàn gắn gia đình với ông D nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Thanh D để ổn định cuộc sống.

Con chung: Có một con chung tên Lê Hoài B, sinh ngày 07/9/2019. Bà yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn ông Lê Thanh D đến trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Lê Thanh D. Ông D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Lê Thanh D. Giao con chung tên Lê Hoài B cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét, quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Ly hôn”. Do bị đơn cư trú tại thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 19/6/2018 của Ủy ban nhân dân xã S, huyện S1, tỉnh Quảng Ngãi có sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Lê Thanh D là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông D tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông D vắng mặt và Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của ông D đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Xét thấy, bà H và ông D chỉ chung sống với nhau thời gian ngắn, từ tháng 5/2019 do mâu thuẫn đã tách ra sống riêng cho đến nay. Do đó, trên thực tế đời sống hôn nhân của ông bà không còn tồn tại, vợ chồng không còn gắn bó trách nhiệm đối với nhau trong thời gian dài nên không còn khả năng hàn gắn tình cảm, xây dựng hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Đến nay bà H yêu cầu ly hôn và ông D vắng mặt, không có ý kiến thể hiện thiện chí mong muốn đoàn tụ. Vì vậy yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận.

Con chung: Căn cứ lời khai của bà H phù hợp với bản sao trích lục khai sinh số 322/TLKS-BS ngày 05/11/2019 của Ủy ban nhân dân xã Quảng Thạch, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình cấp, đủ căn cứ xác định bà H và ông D có con chung tên Lê Hoài B, sinh ngày 07/9/2019.

Xét, việc quyết định giao con cho ai nuôi Hội đồng xét xử phải xem xét bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con. Do con Lê Hoài B dưới 36 tháng tuổi, đang được bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông D và bà H không có thỏa thuận về việc nuôi con, bà H đủ điều kiện tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con nên cần giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Nợ chung: Bà H xác định không có nợ chung.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1, khoản 2 Điều 269; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc “Ly hôn” đối với ông Lê Thanh D;

1.1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Lê Thanh D.

1.2. Con chung: Giao con Lê Hoài B (nữ), sinh ngày 07/9/2019 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Thanh D được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

1.3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0026295 ngày 22/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (đã nộp đủ).

3. Quyền và thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
 - VKSND Tp.T;
 - CCTHADS Tp.T;
 - Đương sự;
 - UBND xã S, huyện S1,
- tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Ngọc Khánh